

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 – ĐỀ 2****MÔN: TIẾNG ANH 4 FAMILY AND FRIENDS****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****ĐÁP ÁN****Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com**

1. twenty	2. noodles	3. bubble tea	4. fifty	5. pizza
6. fries	7. B	8. C	9. A	10. B
11. C	12. A	13. C	14. pizza	15. orange juice
16. noodles	17. lemon juice	18. rice	19. rice	20. chicken

21. What would Mary like?
22. What does Billy like?
23. Where is the ball?
24. Does you dad work in an airport?
25. Does your sister work in a hospital?

**LỜI GIẢI CHI TIẾT****I. Look and write.***(Nhìn và viết.)*

1. twenty: số 20
2. noodles: mì
3. bubble tea: trà sữa trân châu
4. fifty: số 50
5. pizza: bánh pizza
6. fries: khoai tây chiên

**II. Choose the correct answers.***(Chọn đáp án đúng.)*

7.

food (n): đồ ăn

color (n): màu sắc

job (n): nghề nghiệp

My favorite **color** is blue.

(Màu sắc yêu thích của tôi là màu xanh dương.)

**Chọn B.**

**8.**

Doctors (n): bác sĩ

Pilots (n): phi công

Farmers (n): nông dân

**Farmers** grow food.

(Những người nông dân trồng lương thực.)

**9.**

“She” là chủ ngữ ngôi thứ ba số ít nên động từ chính trong câu cần phải chia. Trường hợp này ta thêm -es vào sau động từ “teach”.

She is a teacher. She **teaches** at a school.

(Cô ấy là một giáo viên. Cô ấy dạy ở một trường học.)

**Chọn A.**

**10.**

“Work” là động từ nên trong câu hỏi ta phải mượn trợ động từ. Trường hợp này chủ ngữ của câu hỏi là “he” – ngôi thứ ba số ít, nên ta dùng trợ động từ “does”.

**Does** he work in the office?

(Anh ấy làm việc ở văn phòng phải không?)

**Chọn B.**

**11.**

Cấu trúc mời ai đó ăn/uống gì đó một cách lịch sự:

Would you like + danh từ?

**Would you like** pizza?

(Bạn có thích bánh pizza không?)

**Chọn C.**

**10.**

“He” là chủ ngữ ngôi thứ ba số ít nên động từ chính trong câu phải là động từ được chia.

Trường hợp này ta chia động từ “have” thành “has”.

This my my brother. He **has** short curly hair.

(Đây là em trai tôi. Em ấy có mái tóc xoăn ngắn.)

**Chọn A.**

11.

“Like” là động từ nên khi đặt câu hỏi ta phải mượn trợ động từ. Trường hợp này chủ ngữ của câu là “you” nên ta dùng trợ động từ “do”.

**Do you like milk?**

(Bạn có thích sữa không?)

**Chọn C.**

### III. Read and complete sentences.

(Đọc và hoàn thành các câu.)

Hello, my name's Billy. This is my family. We are having lunch together. I like pizza. My favorite drink is orange juice. My sister's Rosy. She likes noodles. She doesn't like rice. My mom likes noodles, too. Her favorite drink is lemon juice. My Dad likes rice and chicken.

Tạm dịch:

Xin chào, tên tôi là Billy. Đây là gia đình tôi. Chúng tôi đang ăn trưa cùng nhau. Tôi thích bánh pizza. Thức uống yêu thích của tôi là nước cam. Em gái tôi là Rosy. Em ấy thích mì. Em ấy không thích cơm. Mẹ tôi cũng thích mì. Thức uống yêu thích của mẹ là nước chanh. Bố tôi thì thích cơm và thịt gà.

- Billy likes (14) **pizza** and (15) **orange juice**.

(Billy thích bánh pizza và nước cam.)

- Rosy and her mom like (16) **noodles**.

(Rosy và mẹ cô ấy thích mì.)

- Billy's mom's favorite drink is (17) **lemon juice**.

(Thức uống yêu thích của mẹ Billy là nước chanh.)

- Rosy doesn't like (18) **rice**.

(Rosy không thích cơm.)

- Billy's father likes (19) **rice** and (20) **chicken**.

(Bố của Billy thích cơm và thịt gà.)

### V. Write questions for the answers.

(Viết câu hỏi cho các câu trả lời.)

21.

What would Mary like?

(Mary thích gì?)

Mary would like a bubble tea.

(Mary thích trà sữa trân châu.)

22.

What does Billy like?

(Billy thích gì?)

Billy likes pizza.

(Billy thích bánh pizza.)

23.

Where is the ball?

(Quả bóng ở đâu?)

The ball is under the bed.

(Quả bóng ở dưới giường.)

24.

Does you dad work in an airport?

(Bố bạn làm việc ở sân bay phải không?)

Yes, he does. My dad works in an airport.

(Đúng vậy. Bố tôi làm việc ở một sân bay.)

25.

Does your sister work in a hospital?

(Chị gái bạn làm việc ở một bệnh viện có phải không?)

No, she doesn't. My sister doesn't work in a hospital

(Không phải. Chị tôi không làm việc ở bệnh viện.)